Phụ lục II

TÀI LIỆU GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 254/2026/NĐ-CP NGÀY 30/6/2026 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ THÔNG TƯ SỐ 91/2026/TT-BTC NGÀY 30/6/2026 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành Kèm theo Công văn số /THO-NVDTPC ngày /7/2026)

I. Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2025

1. Nhóm các nội dung liên quan đến hóa đơn điện tử

1.1. Về đối tượng áp dụng (Điều 2)

(i) **Sửa đổi:** đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử là *Tổ chức nước ngoài (bao gồm cả chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số ở nước ngoài) có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử và các dịch vụ khác có phát sinh doanh thu tính thuế tại Việt Nam (sau đây gọi là nhà cung cấp nước ngoài) đăng ký tự nguyện sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định này* để phù hợp với Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15

Nghị định 70/2025/NĐ-CP: *Nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác đăng ký tự nguyện sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định này*

(ii) Bỏ đối tượng liên quan đến in, tự in hóa đơn, chứng từ do Luật Quản lý thuế chỉ quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

1.2. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

- **Sửa đổi:** giải thích từ ngữ về hóa đơn, chứng từ hợp pháp và Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ

Hóa đơn, chứng từ hợp pháp là hóa đơn, chứng từ đảm bảo đúng về hình thức và nội dung theo quy định tại Nghị định này.

Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ là việc sử dụng hóa đơn, chứng từ tẩy xóa, sửa chữa không đúng quy định; sử dụng hóa đơn, chứng từ khống (hoá đơn, chứng từ đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng việc mua bán hàng hoá, dịch vụ không có thật một phần hoặc toàn bộ); sử dụng hóa đơn phản ánh không đúng giá trị thực tế phát sinh hoặc lập hóa đơn khống, lập hóa đơn giả; sử dụng hóa đơn có sự chênh lệch về giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc sai lệch các tiêu thức bắt buộc giữa các liên của hóa đơn (đối với hóa đơn giấy đã phát hành, sử dụng trong giai đoạn trước khi chuyển sang hóa đơn điện tử);

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định:*"Hóa đơn, chứng từ hợp pháp là hóa đơn, chứng từ đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định tại Nghị định này.*

Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ là việc sử dụng: Hóa đơn, chứng từ không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc theo quy định; hóa đơn tẩy xóa, sửa chữa không đúng quy định; sử dụng hóa đơn, chứng từ khống (hoá đơn, chứng từ đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng việc mua bán hàng hoá, dịch vụ không có thật một phần hoặc toàn bộ);…"

1.3. Về đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 6)

(i) **Bổ sung** nhóm ngành *"chứng khoán, tài sản mã hóa, dịch vụ hỗ trợ giao dịch trên sàn giao dịch các-bon"* thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế;

(ii) **Bổ sung** quy định *tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế thì không bắt buộc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền*

(iii) **Bổ sung** quy định về việc sử dụng hóa đơn đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cụ thể:

"Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng hoặc hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bán tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử mà có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế."

(vi) **Bổ sung** đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh bao gồm: *trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản công là người nộp thuế giá trị gia tăng bị cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.*

(vii) **Bỏ** quy định cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh đối với doanh nghiệp sau khi đã giải thể, phá sản, đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

(viii) **Bổ sung** quy định về *việc lập hóa đơn đối với các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh trong đó quy định rõ trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia doanh thu và có thỏa thuận cử một bên làm đại diện có trách nhiệm lập hóa đơn cho khách hàng thì các bên còn lại trong hợp đồng hợp tác kinh doanh lập hóa đơn cho bên đại diện phần doanh thu được chia cho từng bên theo hợp đồng; Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo phân chia chi phí và có thỏa thuận cử một bên làm đại diện có trách nhiệm nhận hóa đơn của người bán thì bên đại diện nhận hóa đơn lập hóa đơn để phân chia phần chi phí cho các bên còn lại theo hợp đồng.*

1.4. Về trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 7)

Bổ sung 01 Điều mới quy định các trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử bao gồm:

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp lập bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trừ trường hợp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thu nhập từ hoạt động cho thuê bất động sản; thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin

số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp mà doanh nghiệp xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp đã khấu trừ thuế theo quy định pháp luật quản lý thuế.

4. Các khoản phí và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động tái bảo hiểm (bao gồm nhượng tái bảo hiểm, các khoản thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác về nhượng tái bảo hiểm), nhận tiền gửi, hoạt động tài chính (phát hành chứng chỉ tiền gửi, phát hành chứng khoán sơ cấp, phát hành giấy tờ có giá), bán nợ, giao dịch ngoại tệ và sản phẩm phái sinh.

Đối với giao dịch bán ngoại tệ, căn cứ hệ thống quản lý dữ liệu của đơn vị, cuối tháng đơn vị thực hiện lập bảng tổng hợp chi tiết giao dịch phát sinh trong tháng, chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung thông tin từng giao dịch và cung cấp bảng tổng hợp chi tiết giao dịch bán ngoại tệ khi cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

5. Góp vốn bằng tài sản của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào tổ chức kinh tế.

6. Tài sản điều chuyển từ công ty mẹ đến các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và ngược lại, giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong cơ sở kinh doanh; tài sản điều chuyển khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

7. Máy móc, thiết bị cho mượn là tài sản cố định và công cụ, dụng cụ phục vụ gia công hàng hóa của bên cho mượn, không thu tiền, không chuyển quyền sở hữu.

8. Các trường hợp theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

1.5. Về thời điểm lập hóa đơn (Điều 9)

(i) **Bổ sung** quy định trường hợp khi *thu tiền đặt cọc theo quy định Bộ luật Dân sự để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ* thì không phải lập hóa đơn.

(ii) **Bổ sung** thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể (khoản 4)

- Bổ sung một số dịch vụ phát sinh thường xuyên cần thời gian đối soát dữ liệu theo quy định tại điểm a các trường hợp lập hóa đơn chậm sau 07 ngày như: *dịch vụ hoa tiêu hàng hải, dịch vụ quảng cáo trên các trang báo điện tử, dịch vụ công nghệ số, nền tảng số, dịch vụ công nghệ thông tin (bao gồm dịch vụ trung gian thanh toán sử dụng trên nền tảng viễn thông, công nghệ thông tin, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này); dịch vụ tài sản mã hóa, dịch vụ hỗ trợ giao dịch trên sàn giao dịch các-bon,dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ bảo vệ, dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách (bằng xe taxi, xe hợp đồng, xe mô tô hai bánh sử dụng phần mềm hỗ trợ kết nối vận tải theo pháp luật về đường bộ) cung cấp dịch vụ cho khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức.*

- Bổ sung tại điểm b: *sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu cần đối soát dữ liệu* nhưng chậm nhất không quá 2 tháng kể từ tháng phát sinh.

- Bổ sung quy định tại điểm o: *Đối với hợp đồng đồng bảo hiểm: Khi thu phí bảo hiểm, từng doanh nghiệp đồng bảo hiểm lập hóa đơn cho khách hàng theo phí bảo hiểm nhận được. Trường hợp ủy quyền cho một doanh nghiệp thu hộ phí bảo hiểm thì doanh nghiệp thu hộ thực hiện lập hóa đơn cho khách hàng trên toàn bộ giá trị hợp đồng và doanh nghiệp nhờ thu hộ lập hóa đơn cho doanh nghiệp thu hộ đối với phí bảo hiểm được hưởng theo thỏa thuận của các bên. Khi mua hàng hóa, dịch vụ để bồi thường hoặc thanh toán các khoản chi khác liên quan đến hợp đồng đồng bảo hiểm, trường hợp một doanh nghiệp bảo hiểm được ủy quyền chi hộ thì doanh nghiệp chi hộ thực hiện lập hóa đơn khi thu đòi các doanh nghiệp bảo hiểm nhờ chi hộ;*

- **Bổ sung** điểm r về việc lập Bảng thông chi tiết giao dịch đối với một số dịch vụ cung cấp cho cá nhân là người tiêu dùng: *dịch vụ ngân hàng; dịch vụ trung gian thanh toán; dịch vụ thông tin tín dụng; kinh doanh chứng khoán; giao dịch tài sản mã hóa; dịch vụ hỗ trợ giao dịch trên sàn giao dịch các-bon; kinh doanh bảo hiểm; dịch vụ chuyển tiền qua ví điện tử; dịch vụ ngừng, cấp điện trở lại; dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ bưu chính, vận chuyển trực tiếp phục vụ hoạt động thương mại điện tử; dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng tàu điện, xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, xe hợp đồng, xe mô tô hai bánh; dịch vụ trông giữ xe; hoạt động chiếu phim và các dịch vụ khác, đáp ứng điều kiện có hệ thống phần mềm quản lý chi tiết từng giao dịch, có dữ liệu thu tiền được lưu trữ trên hệ thống theo từng giao dịch thì cơ sở dữ liệu thông tin chi tiết giao dịch phát sinh của doanh nghiệp được chuyển đến cơ quan thuế theo Bảng thông tin chi tiết giao dịch* theo mẫu số 01/TTGD Phụ lục III kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC.

(iii) **Bổ sung** quy định trường hợp *người bán không có phần mềm lập hóa đơn tự động có phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong giờ làm việc ban đêm theo quy định của Bộ luật Lao động, thời điểm lập hóa đơn chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo.*

1.6. Về nội dung hóa đơn (Điều 10 và Phụ lục kèm theo Nghị định)

(i) **Bổ sung** quy định tại nội dung "Tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán":

- Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử và sử dụng mã số thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cho tất cả các cửa hàng thì phải thể hiện rõ tên, mã, địa chỉ địa điểm kinh doanh trên hóa đơn; Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thì phải thể hiện rõ mã, địa chỉ địa điểm kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp của từng địa điểm kinh doanh trên hóa đơn.

- Trường hợp hóa đơn điện tử ủy nhiệm thì thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm và tên, địa chỉ, mã số thuế của bên nhận ủy nhiệm.

- Trường hợp bán đấu giá tài sản để thi hành án thì hóa đơn phải thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của cơ quan được giao bán đấu giá tài sản và tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán.

(ii) **Bổ sung** quy định tại nội dung "Tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc mã số đơn vị

có quan hệ với ngân sách hoặc số định danh cá nhân của người mua"

Trường hợp người mua là người tiêu dùng cung cấp tên, địa chỉ, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn phải thể hiện tên, địa chỉ, số định danh cá nhân (đối với người mua là người nước ngoài cung cấp thông tin để lập hóa đơn thì thông tin về địa chỉ, số định danh cá nhân có thể được thay thế bằng thông tin về số hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch của khách hàng); trường hợp người mua không cung cấp tên, địa chỉ, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn thể hiện rõ "Bán cho người tiêu dùng"

Hóa đơn không có thông tin người mua hoặc hóa đơn xuất cho người tiêu dùng thì không có giá trị để tổ chức kinh tế, cơ quan, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng vào mục đích hạch toán chi phí hoặc quyết toán thuế theo quy định pháp luật về thuế.

(iii) **Bổ sung** quy định tại nội dung "Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ":

Tên hàng hóa, dịch vụ: Trên hóa đơn phải thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ được giao dịch bằng tiếng Việt phù hợp với quy định pháp luật.

Trường hợp pháp luật có quy định về định danh hàng hóa, dịch vụ thì người bán thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn theo quy định pháp luật về định danh hàng hóa, dịch vụ.

Trường hợp người bán ô tô, xe máy lập hóa đơn điện tử có đủ các thông tin sau: Họ và tên người mua; số định danh cá nhân hoặc mã số thuế (đối với tổ chức); nhãn hiệu, loại xe, năm sản xuất; số khung, số máy; số Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với xe nhập khẩu) hoặc số Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước) là căn cứ để cơ quan thuế xác định và thông báo số tiền lệ phí trước bạ phải nộp;

(iv) **Sửa đổi** quy định việc thể hiện biển kiểm số trên hóa đơn đối với dịch vụ vận tải đường bộ trong nước và đối với dịch vụ vận tải được thuê theo tuyến cố định thì không cần thể hiện biển số phương tiện

Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định: "*Trường hợp kinh doanh dịch vụ vận tải thì trên hoá đơn phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến). Đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa trên nền tảng số, hoạt động thương mại điện tử thì phải thể hiện tên hàng hóa vận chuyển, thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh người gửi hàng."*

(v) **Bổ sung** quy định chữ ký của người bán, chữ ký của người mua: Trường hợp là nhà cung cấp ở nước ngoài là chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

(vi) **Bổ sung** quy định: *"Đối với hóa đơn bán hàng của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, khuyến khích người bán thể hiện thông tin nhóm ngành nghề tương ứng với hàng hóa, dịch vụ trên dữ liệu hóa đơn điện tử theo định dạng XML gửi cơ quan thuế. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế*

thì thể hiện tương ứng trên hóa đơn. Thông tin nhóm ngành nghề (nếu có) được hiển thị trên bản thể hiện hóa đơn điện tử."

1.7. Về xử lý sự cố (Điều 14)

(i) **Sửa đổi** trường hợp sự cố từ hệ thống cấp mã của cơ quan thuế: *Trường hợp hệ thống cấp mã hóa đơn điện tử của cơ quan thuế gặp sự cố kỹ thuật dẫn đến gián đoạn việc cấp mã, Cục Thuế có trách nhiệm: kích hoạt hệ thống dự phòng để bảo đảm hoạt động cấp mã; thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế về phạm vi ảnh hưởng, thời điểm bắt đầu và dự kiến thời gian khắc phục; trường hợp cần thiết, ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đủ điều kiện thực hiện cấp mã theo quy định.*

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định: "*Trường hợp trong thời gian chưa khắc phục được sự cố của cơ quan thuế thì cơ quan thuế có giải pháp bán hóa đơn do cơ quan thuế đặt in cho một số tổ chức, cá nhân để sử dụng. Sau khi hệ thống cấp mã của cơ quan thuế được khắc phục, cơ quan thuế thông báo để các tổ chức, cá nhân tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế, tổ chức, cá nhân gửi báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn giấy đã mua của cơ quan thuế theo Mẫu số BC26/HĐG Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này."*

(ii) **Bổ sung** quy định về trường hợp người nộp thuế không thể lập, cấp mã hoặc truyền dữ liệu hóa đơn do sự kiện bất khả kháng theo quy định tại khoản 21 Điều 4 Luật Quản lý thuế thì *trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày sự cố được khắc phục, người bán được thực hiện việc lập và gửi hóa đơn điện tử tới cơ quan thuế; Người bán có trách nhiệm ghi chép sổ sách kế toán về giao dịch mua bán, lưu giữ tài liệu chứng minh trường hợp bất khả kháng theo quy định.*

(iii) **Bổ sung** quy định việc *lập, gửi hóa đơn, chuyển dữ liệu hóa đơn quá thời hạn do các nguyên nhân trên được xác định là trường hợp bất khả kháng theo quy định pháp luật về quản lý thuế.*

1.8. Về trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế (Điều 15)

Bổ sung quy định chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đến cơ quan thuế cuối ngày.

1.9. Về trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế (Điều 16)

Bổ sung quy định về phương thức chuyển cơ sở dữ liệu thông tin chi tiết giao dịch phát sinh theo Bảng thông tin chi tiết giao dịch theo quy định tại điểm r khoản 4 Điều 9 Nghị định này về một số dịch vụ cung cấp cho người tiêu dùng.

1.10. Về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (Điều 17)

Bổ sung quy định về yêu cầu chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số trong việc cung cấp thông tin về người mua, thông tin giao dịch và thời điểm giao hàng và xác nhận trạng trái hoàn tất đơn hàng trên hệ thống để người bán

lập hóa đơn điện tử theo quy định đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.

1.11. Về quyền và trách nhiệm của người mua hàng hóa, dịch vụ (Điều 18)

(i) **Bổ sung** quyền của người mua được tham gia các chương trình khuyến khích sử dụng hóa đơn do người bán là doanh nghiệp hoặc cơ quan thuế tổ chức;

(ii) **Bổ sung** quy định hóa đơn do người mua yêu cầu và nhận từ người bán là cơ sở để xác định nghĩa vụ thuế của người bán đối với ngân sách nhà nước góp phần nâng cao tính minh bạch của nền kinh tế và hiệu quả quản lý thuế.

1.12. Về trách nhiệm của tổ chức được ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử (Điều 19)

Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức được ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử trong đó có trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số trong việc cung cấp thông tin về người mua, thông tin giao dịch và thời điểm giao hàng và xác nhận trạng trái hoàn tất đơn hàng trên hệ thống để người bán lập hóa đơn điện tử theo quy định đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.

2. Nhóm nội dung liên quan chứng từ điện tử

1.1. Về thời điểm lập chứng từ (Điều 24)

Bổ sung quy định đối với *các khoản thu nhập của cá nhân từ chuyển nhượng chứng khoán, đầu tư vốn, chuyển nhượng tài sản số, chuyển nhượng vàng miếng, thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, thừa kế, quà tặng mà tổ chức chi trả hoặc tổ chức khấu trừ thuế đã thực hiện khấu trừ và nộp thuế thu nhập cá nhân tại nguồn thì không phải lập chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.*

1.2. Về phương thức lập chứng từ điện tử (Điều 26)

Bổ sung 01 Điều mới quy định về phương thức lập chứng từ điện tử, bao gồm:

(1) Chứng từ điện tử được lập trực tiếp trên hệ thống thông tin quản lý thuế hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hoặc trên phần mềm chứng từ điện tử của đơn vị;

(2) Việc lập chứng từ điện tử phải bảo đảm phản ánh đầy đủ, trung thực nội dung giao dịch phát sinh; đồng thời tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế, phí và lệ phí, bảo đảm tính hợp pháp, minh bạch và khả năng kiểm soát trong quản lý nhà nước;

1.3. Về kết nối chuyển dữ liệu chứng từ điện tử (Điều 27)

Bổ sung 01 Điều mới quy định kết nối chuyển dữ liệu chứng từ điện tử bao gồm:

(1) Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng từ điện tử có trách nhiệm thực hiện kết nối, truyền

và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử với cơ quan thuế thông qua hệ thống thông tin điện tử của cơ quan thuế hoặc qua hệ thống trung gian theo quy định;

(2) Việc kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, an toàn và bảo mật dữ liệu;

(3) Trường hợp hệ thống thông tin điện tử gặp sự cố kỹ thuật dẫn đến không thể kết nối, truyền dữ liệu đúng thời hạn, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thông báo kịp thời cho cơ quan thuế và thực hiện truyền dữ liệu trong vòng 03 ngày làm việc sau khi sự cố được khắc phục.

1.4. Về trường hợp sử dụng được miễn phí dịch vụ chứng từ điện tử (Điều 28)

Bổ sung 02 nhóm đối tượng được miễn phí dịch vụ chứng từ điện tử gồm:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có sử dụng dưới 10 người lao động và không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử;

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp sử dụng miễn phí hóa đơn điện tử.

1.5. Về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng chứng từ điện tử (Điều 29)

Sửa đổi quy định chuyển dữ liệu biên lai điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu thay vì báo cáo tình hình sử dụng biên lai, cụ thể: "*Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí điện tử, tổ chức nhận ủy nhiệm lập biên lai sau khi lập đầy đủ các nội dung trên biên lai điện tử gửi cho người nộp các khoản thuế phí, lệ phí và gửi cho cơ quan thuế theo bảng tổng hợp dữ liệu biên lai điện tử theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong ngày lập biên lai.*"

Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định: "*Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí gửi báo cáo tình hình sử dụng biên lai theo Mẫu số BC26/BLĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này để gửi cơ quan quản lý thuế cùng với thời gian gửi Tờ khai phí, lệ phí (trừ phí hải quan; lệ phí hàng hoá, hành lý, phương tiện vận tải quá cảnh) theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.*"

3. Nhóm nội dung liên quan đến xây dựng, tra cứu thông tin hóa đơn, chứng từ

3.1. Về đối tượng cung cấp thông tin, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (Điều 36)

Bổ sung quy định bên sử dụng thông tin hóa đơn điện tử bao gồm *Các tổ chức được ủy quyền của tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật dân sự.*

3.2. Về hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Hệ thống thông tin quản lý thuế (Điều 37)

(i) **Bổ sung** đối tượng sử dụng thông tin bao gồm *bên nhận ủy nhiệm lập hóa đơn*

(ii) **Bổ sung** hình thức tra cứu thông tin bao gồm *trường hợp sử dụng thông tin theo hình thức cung cấp dịch vụ truy vấn trực tiếp với Hệ thống thông tin quản lý thuế phải đảm bảo các tiêu chí như đối với tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử.*

4. Về khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử (Điều 41)

Bổ sung điều mới được giao tại Luật Quản lý thuế nhằm tăng cường tính tuân thủ pháp luật về hóa đơn, nâng cao vai trò giám sát của xã hội và góp phần phòng, chống thất thu ngân sách nhà nước và giao Bộ Tài chính quy định mức khen thưởng, hình thức, trình tự, thủ tục khen thưởng, quản lý, sử dụng kinh phí. Quy định tại Nghị định mang tính nguyên tắc về việc khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử.

II. Nội dung tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026

1. Về đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 6)

(i) **Sửa đổi** quy định về *trường hợp có thay đổi các thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trừ trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử thì thực hiện sinh trắc học*

Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định: "*a) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử do thay đổi thông tin về người đại diện theo pháp luật; đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, thành viên góp vốn, chủ sở hữu thì trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại khoản 1a Điều này.*"

(ii) **Sửa đổi** thời hạn từ 02 ngày lên 03 ngày đối với người nộp thuế thực hiện giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu trong trường hợp cơ quan thuế ban hành thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu.

2. Về tiêu chí xác định người nộp thuế có rủi ro cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 7)

Sửa đổi quy định: *Người nộp thuế đăng ký địa chỉ trụ sở chính không có địa chỉ cụ thể theo địa giới hành chính hoặc tại căn hộ chung cư (không bao gồm căn hộ hoặc phần diện tích của nhà chung cư được phép sử dụng cho mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật), trừ trường hợp cá nhân kinh doanh.*

3. Về các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 8)

(i) **Bổ sung** trường hợp *hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã được cấp mã số thuế trước ngày 01/7/2025 nhưng thông tin đăng ký thuế của đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế yêu cầu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bổ sung thông tin trong thời hạn 10 ngày làm việc. Sau thời hạn này, nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chưa thực hiện, cơ quan thuế thực hiện tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;*

(ii) **Bổ sung** trường hợp *người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu theo Thông báo lần 2 mà không chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định pháp luật thì cơ quan thuế ban hành thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn;*

(iii) **Bổ sung** quy định *cơ quan thuế gửi thông báo ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử cho người nộp thuế và bên nhận ủy nhiệm lập hóa đơn trong trường hợp người nộp thuế thuộc trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.* Quy định này nhằm đảm bảo tổ chức nhận ủy nhiệm có cơ sở để ngừng lập hóa đơn thay người bán ngay tại thời điểm người bán bị ngừng sử dụng hóa đơn.

4. Về ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử (Điều 9)

(i) **Bổ sung** quy định *hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được ủy nhiệm cho bên thứ ba là tổ chức kinh tế để lập hóa đơn điện tử bao gồm cả tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử, hoặc tổ chức khác.*

(ii) **Bổ sung** quy định *hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm cung cấp thông tin cho bên nhận uỷ nhiệm, bao gồm: tên, địa chỉ, mã số thuế và thuộc đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP trong trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ủy nhiệm cho tổ chức kinh tế lập hóa đơn điện tử;*

(iii) **Bổ sung** quy định *tổ chức kinh tế thực hiện thông báo danh sách hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ủy nhiệm với cơ quan thuế theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT Phụ lục III kèm theo Thông tư này*. Việc bổ sung này theo hướng đơn giản hóa thủ tục ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử, phù hợp với đặc thù hoạt động thương mại điện tử, nơi có số lượng giao dịch lớn, phát sinh liên tục và có sự tham gia của nhiều bên trung gian như sàn giao dịch và đơn vị vận chuyển. Do đó, quy định về việc thông báo nhận ủy nhiệm theo danh sách giúp giảm chi phí tuân thủ, tăng khả năng thực hiện trên thực tế, đồng thời vẫn đảm bảo cơ quan thuế có đầy đủ thông tin để quản lý.

(iv) **Bổ sung** quy định *trường hợp bán tài sản thi hành án của cơ quan thi hành án thì việc ủy nhiệm lập hóa đơn không phải lập văn bản thỏa thuận và không phải thông báo với cơ quan thuế về việc ủy nhiệm.* Quy định này nhằm tháo gỡ vướng mắc trên thực tiễn khi bên thi hành án không thể trực tiếp có mặt để ký văn bản thỏa thuận ủy nhiệm lập hóa đơn với cơ quan thi hành án.

5. Về xử lý hóa đơn điện tử đã lập (Điều 10)

(i) **Sửa đổi** quy định *trường hợp sai về các nội dung trên hóa đơn như tên, địa chỉ, số tiền bằng chữ hoặc các nội dung khác nhưng không sai về: mã số thuế, số tiền ghi trên hóa đơn, thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn đã lập sai và không phải lập lại hóa đơn.*

Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định: *Trường hợp có sai về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế, các nội dung khác không sai thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn đã lập sai và không phải lập lại hóa đơn.*

(ii) **Bổ sung** quy định về các trường hợp người bán không bắt buộc phải lập văn bản thỏa thuận trước khi điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai, bao gồm: *chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử; chuyển cơ sở dữ liệu thông tin chi tiết giao dịch theo Bảng thông tin chi tiết giao dịch; hoạt động mua bán hàng hóa trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác.*

(iii) **Bổ sung** quy định trường hợp hóa đơn điện tử đã lập sai là *hóa đơn điện tử từ máy tính tiền hoặc hóa đơn điện tử bán hàng hóa là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thì người bán lập hóa đơn thay thế cho hóa đơn đã lập sai .*

(iv) Bổ sung quy định xử lý hóa đơn điện tử đã lập (khoản 5)

- **Bổ sung** quy định đối với *trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm được lập hóa đơn điều chỉnh tổng hợp cho các khoản phí chưa thu được tiền của tháng trước, kèm theo bảng kê các số hóa đơn, số tiền và tiền thuế điều chỉnh. Điều này nhằm giảm chi phí hành chính về việc lập và điều chỉnh hóa đơn, hỗ trợ doanh nghiệp bảo hiểm đơn giản hóa thủ tục trong khi vẫn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ pháp luật về hóa đơn, chứng từ.*

- **Bổ sung** việc hóa đơn điện tử đã lập khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không bị sai nhưng khi thanh toán thực tế hoặc khi quyết toán có sự thay đổi về giá trị, khối lượng trên cơ sở kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp: *Điều chỉnh giá bán buôn điện giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam với các Tổng công ty Điện lực và giữa các Tổng công ty Điện lực với các Công ty Điện lực.*

- **Bổ sung** trường hợp *bán khí thiên nhiên tại thị trường Việt Nam được xác định giá ghi trên hợp đồng mua bán khí bằng đồng tiền ngoại tệ tự do chuyển đổi phù hợp với pháp luật liên quan và hợp đồng dầu khí, thanh toán và lập hóa đơn bằng đồng Việt Nam, khi bán khí đã lập hóa đơn điện tử không có sai sót nhưng khi thanh toán thực tế có sự thay đổi về giá trị do phải quy đổi ra Việt Nam đồng thì người bán thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh đối với phần chênh lệch nêu trên.*

6. Về biện pháp khuyến khích người mua lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ; Mức khen thưởng, hình thức, trình tự, thủ tục, quản lý, sử dụng kinh phí khen thưởng người tiêu dùng tố giác hành vi không lập và không giao hóa đơn (Điều 13, Điều 14)

Bổ sung 02 Điều mới được giao tại khoản 7 Điều 26 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và khoản 5 Điều 41 Nghị định số 254/2026 của Chính phủ, theo đó:

- Cơ quan thuế thực hiện các biện pháp khuyến khích người mua lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo thu hút, lan tỏa, xây dựng thói quen lấy hóa đơn khi tiêu dùng. Mức kinh phí thực hiện các biện pháp khuyến khích quy định tại khoản 2 Điều này không quá 150 tỷ đồng/năm. Cục trưởng Cục Thuế xây dựng phương án tổ chức, giá trị giải thưởng chương trình hóa đơn may mắn trên cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử và các biện pháp khuyến khích khác;

- Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm xem xét, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các trường hợp thuộc phạm vi quản lý và quyết định khen thưởng

trên cơ sở quyết định xử lý vi phạm hành chính về hóa đơn đã được ban hành. Cục trưởng Cục Thuế có trách nhiệm hướng dẫn việc tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin do cá nhân cung cấp; xem xét, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định; mức khen thưởng, quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, định mức; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc chi khen thưởng.

7. Về trình tự, thủ tục cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh (Điều 15)

(i) **Bổ sung** quy định người nộp thuế thuộc trường hợp được cấp hóa đơn bán tài sản công có mã của cơ quan thuế thì không phải khai và nộp số thuế phát sinh trên hóa đơn đề nghị cấp theo quy định tại Nghị định số 254/2026/NĐ-CP;

(ii) **Sửa đổi** quy định về địa điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh, cụ thể:

+ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh cố định bao gồm cả kinh doanh thương mại điện tử có nhiều địa điểm kinh doanh (cửa hàng) hoạt động trên cùng địa bàn một tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố thì nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh ***tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được xác định là địa điểm ghi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh hoặc trên tờ khai đăng ký thuế đối với cá nhân kinh doanh****;*

+ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định: thì nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh ***tại cơ quan thuế quản lý địa bàn nơi hộ kinh doanh cư trú, cụ thể: nơi tạm trú hoặc nơi thường trú****.*

8. Về đăng ký sử dụng chứng từ điện tử (Điều 17)

Bỏ quy định đăng ký chứng từ khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.

9. Về xử lý chứng từ điện tử đã lập (Điều 20)

Sửa đổi quy định cụ thể *trường hợp sai về các nội dung trên chứng từ như tên, địa chỉ, số tiền bằng chữ hoặc các nội dung khác nhưng không sai về mã số thuế; sai về số tiền ghi trên chứng từ thì tổ chức lập chứng từ điện tử thông báo cho bên nhận chứng từ điện tử về việc chứng từ đã lập sai và không phải lập lại chứng từ; các trường hợp chứng từ điện tử đã lập sai khác ngoài các trường hợp nêu trên thì tổ chức lập chứng từ điện tử thay thế cho chứng từ điện tử đã lập sai.*

Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định: *Trường hợp chứng từ điện tử đã lập sai thì tổ chức khấu trừ thuế thực hiện xử lý chứng từ điện tử đã lập theo nguyên tắc tương tự xử lý hóa đơn điện tử đã lập quy định tại Điều 19 Nghị định này. Thông báo chứng từ đã lập sai theo Mẫu số 04/SS-CTĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.*

10. Về xử lý chuyển tiếp (Điều 24)

Bổ sung quy định đối với hóa đơn đã lập theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP và Thông tư số 32/2025/TT-BTC thì thực hiện điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định tại Thông tư này.

III. Các nội dung khác

(i) Thay thế thuật ngữ "doanh nghiệp" bằng "tổ chức kinh tế" nhằm bảo đảm phạm vi điều chỉnh bao quát đầy đủ các chủ thể có hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư;

(ii) Thay thế cụm từ "Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế" thành "Hệ thống thông tin quản lý thuế";

(iii) Thay thế cụm từ "không phải trả tiền dịch vụ" thành "được miễn phí dịch vụ" để phù hợp với Luật Quản lý thuế;

(iv) Thay thế cụm từ "Nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác" thành "Tổ chức nước ngoài có hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ thông qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác".